



Merkblatt für IT-Spezialisten und IT-Spezialistinnen

Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho chuyên gia công nghệ thông tin

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)
Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (**nộp BẢN GỐC**) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigelegt werden:	Vom Antragsteller eingereicht Người xin thị thực có nộp	Nur durch VFS/AV auszufüllen Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức	Anmer- kungen Ghi chú
Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:			
1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			



4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục bằng tiếng Đức. <i>Đặc biệt phải trình bày quá trình học tập, làm việc từ trước đến nay.</i>			
(Optional) Vorabzustimmung Sollte Ihr Arbeitgeber bereits vor Beginn des Visumverfahrens die Zustimmung der Bundesagentur für Arbeit oder der zuständigen Ausländerbehörde in Deutschland eingeholt haben, verkürzt sich die Bearbeitungszeit in der Auslandsvertretung wesentlich. (Tùy chọn, không bắt buộc) Văn bản đồng ý trước với việc nhập cảnh. <i>Nếu người sử dụng lao động đã nhận được sự chấp thuận của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều có thẩm quyền tại Đức trước khi bắt đầu làm thủ tục xin thị thực, thì thời gian xử lý hồ sơ thị thực tại Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Đức sẽ được rút ngắn đáng kể.</i>			
5. Nachweise zur Berufserfahrung Reichen Sie Arbeitszeugnisse oder Arbeitgeberbestätigungen zu Ihrer bisherigen Tätigkeit im IT-Sektor ein. Aus den Nachweisen muss klar hervorgehen, welche Aufgaben Ihre jeweilige Tätigkeit konkret umfasste. Sofern vorhanden, legen Sie bitte auch den Auszug aus der Sozialversicherungsapp mit Nachweis der Versicherungszeiten vor. Wenn Sie eine Ausbildung oder ein Studium im Bereich IT absolviert haben, legen Sie bitte auch dazu Ihre Zeugnisse vor. Giấy tờ chứng nhận kinh nghiệm làm việc <i>Quý vị cần nộp giấy tờ chứng nhận quá trình làm việc hoặc xác nhận của người sử dụng lao động về những công việc đã làm từ trước đến nay trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Trong những giấy tờ đó phải thể hiện quý vị đã làm công việc cụ thể gì. Quý vị vui lòng nộp cả bản in từ bảo hiểm xã hội số (VssID), trong đó có thông tin về quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ trước tới nay (nếu có).</i> <i>Nếu quý vị đã tốt nghiệp trường nghề hoặc tốt nghiệp đại học ngành công nghệ thông tin, vui lòng nộp bằng tốt nghiệp.</i>			
6. Arbeitsplatzangebot Arbeitsvertrag oder verbindliche Arbeitsplatzzusage mit Aufgabenbeschreibung, Angaben zum Bruttjahresgehalt und Hinweis zu erforderlichen Sprachkenntnissen Thông báo tuyển dụng <i>Hợp đồng lao động hoặc thư mời nhận việc với thông tin mô tả công việc, mức lương trước thuế hàng năm và yêu cầu về trình độ ngôn ngữ.</i>			
7. Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis im Original Das Formular muss vom zukünftigen Arbeitgeber vollständig ausgefüllt werden. Bản gốc „Tuyên bố về quan hệ lao động“: <i>Bản tuyên bố về quan hệ lao động phải được người sử dụng lao động khai đầy đủ và ký tên.</i>			
8. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise gültig ab dem gewünschten Einreisetag und bis zum Beginn der Arbeitsaufnahme. Bảo hiểm y tế <i>Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế cho thời gian từ ngày dự định nhập cảnh đến ngày bắt đầu làm việc.</i>			



Blaue Karte für IT-Spezialisten und IT-Spezialistinnen

Eine Blaue Karte wird erteilt, wenn folgende Voraussetzungen erfüllt sind:

- Sie haben in den letzten sieben Jahre mindestens drei Jahre praktische Berufserfahrung auf Hochschulebene erworben
- Ihre Erfahrung befähigt Sie zur Ausübung der angestrebten Beschäftigung in Deutschland und diese Beschäftigung ist Ihrer Qualifikation angemessen
- Das Arbeitsverhältnis sieht eine Beschäftigungsdauer von mindestens 6 Monaten vor.
- Ihr Bruttojahresgehalt liegt über dem Schwellenwert von 41.041, 80 € (Stand: 2024)

Thẻ xanh cho chuyên gia công nghệ thông tin

Để được cấp Thẻ xanh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Quý vị đã có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc thực tế ở trình độ đại học trong vòng 7 năm qua.
- Với kinh nghiệm của mình quý vị có năng lực làm công việc mong muốn tại Đức và công việc đó phù hợp với trình độ chuyên môn của quý vị.
- Hợp đồng lao động có thời hạn ít nhất 6 tháng.
- Tổng lương trước thuế cao hơn 41.041,80 Euro/ 1 năm (ngưỡng quy định của năm 2024)

Bitte beachten Sie: Bei Antragstellenden ab 45 Jahren muss eine angemessene Altersvorsorge nachgewiesen werden. Legen Sie bereits bei Antragstellung geeignete Nachweise zur Alterssicherung vor (z. B. Immobilien, Wertpapiere, Versicherungen etc.)

Xin lưu ý: Người xin thị thực từ 45 tuổi trở lên phải nộp bằng chứng về việc có lương hưu hợp lý. Nếu thuộc trường hợp như vậy thì khi nộp hồ sơ thị thực quý vị cần trình ngay các bằng chứng thích hợp về việc bảo đảm an sinh tuổi già (ví dụ: bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, v.v.).

Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung.

Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn



Vertretungen der
Bundesrepublik Deutschland
in Vietnam
